| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGHĨA LỘ**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **06**/2023/DS -ST
Ngày: 13/9/2023.
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Quốc Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Hà Văn Tý

2. Ông Hoàng Văn Vĩnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Bắc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ*** tham gia phiên toà: Không.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/DSST ngày 28 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐHPT-ST ngày 28/8/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần thứ hai) số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Các Nguyên đơn: + Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1932

+ Bà Trương Thị M, sinh năm 1937

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1970,

*Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023*

Cùng trú tại: Tổ 12, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Có mặt tại phiên tòa.

- Các Bị đơn: + Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1973, có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Lưu Việt C, sinh năm 1969. Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại: Tổ 12, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:*

Do có quan hệ là hàng xóm nên khi vợ chồng chị H hỏi vay tiền để làm vốn kinh doanh, vì tin tưởng ông bà T- M đã đồng ý. Từ ngày 16/12/2020 đến ngày 01/6/2021 ông bà đã cho vợ chồng anh Lưu Việt C- chị Đỗ Thị H vay 06 lần tổng số tiền 325.000.000đ, trong đó lần vay nhiều nhất là ngày 16/12/2020 số tiền 200.000.000đ có ký nhận của cả hai vợ chồng anh chị H-C. Các lần vay hai bên đều thỏa thuận: vay không kỳ hạn, lãi xuất 1,1%/tháng, trả lãi hàng tháng, khi nào ông bà T- M cần tiền thì báo trước từ 05 đến 10 ngày anh chị H- C sẽ thu xếp trả đủ. Vợ chồng anh chị H- C thực hiện việc trả lãi đến tháng 03/2022 thì không trả lãi nữa, ông bà T- M đã nhiều lần yêu cầu anh chị H- C trả cả gốc và lãi số tiền đã vay, nhưng tính đến ngày 30/6/2022 anh chị H- C mới trả được cho ông bà 14.000.000đ tiền gốc. Nay ông bà Nguyễn Quang T- Trương Thị M yêu cầu anh chị Lưu Việt C- Đỗ Thị H trả lại cho ông bà toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 311.000.000đ, ông bà không yêu cầu đối với số tiền lãi mà vợ chồng anh chị H- C chưa trả.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy vay tiền ngày 16/12/2020 số tiền 200.000.000đ; bản gốc Giấy vay tiền ghi chung 03 mã vay: ngày 08/12/2019 số tiền 30.000.000đ; ngày 08/01/2020 số tiền 20.000.000đ; ngày 21/01/2020 số tiền 20.000.000đ; bản gốc Giấy vay tiền ngày 06/7/2020 số tiền 15.000.000đ; bản gốc Giấy vay tiền ngày 01/6/2021 số tiền 40.000.000đ; Bản sao Căn cước công dân mang tên Nguyễn Quang T, Trương Thị M và Nguyễn Thị Kim Q.

*Bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị thừa nhận có vay ông bà T- M nhiều lần, tổng số tiền 325.000.000đ với lãi xuất 1,1%/tháng để kinh doanh lương thực như ông bà đã trình bày, chị đã trả được 14.000.000đ tiền gốc và tiến lãi tính đến hết tháng 3/2022, còn nợ lại 311.000.000đ tiền gốc. Nhưng toàn bộ số tiền trên là do chị vay, anh Lưu Việt C không liên quan gì mà chỉ là người thừa kế. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, kinh doanh thua lỗ nên chị xin được trả dần cho ông bà T- M số tiền trên, còn số tiền lãi chưa trả ông bà cho chị xin.

Bị đơn anh Lưu Việt C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng tại "Đơn đề nghị" gửi tòa án ngày 15/6/2023 anh C cho rằng việc vợ anh là chị H vay tiền của ông bà T- M như thế nào anh không biết, anh không liên quan, việc anh ký vào tờ giấy chị H vay tiền của ông bà T- M chỉ mang tính chất là người thừa kế, nên anh đề nghị tòa án xem xét.

Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đã hòa giải nhưng không thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ngày 29/3/2023 Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu anh Lưu Việt C, chị Đỗ Thị H trả lại ông bà 311.000.000đ số tiền gốc còn nợ. Khi vay các bên có viết

các giấy biên nhận vay tiền, vì vậy xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Lưu Việt C- chị Đỗ Thị H có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại tổ 12, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự chị Nguyễn Thị Kim Q (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M) và chị Đỗ Thị H đều có mặt, anh Lưu Việt C vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- DS, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST- DS ngày 28/8/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần thứ hai) số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 30/8/2023, và tại phiên tòa hôm nay anh Lưu Việt C vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh C từ bỏ quyền và vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lưu Việt C.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Biên bản hòa giải ngày 21/7/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q và chị Đỗ Thị H đã thống nhất vợ chồng anh Lưu Việt C- chị Đỗ Thị H đã vay ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M tổng số tiền 325.000.000đ, đã trả được 14.000.000đ tiền gốc, còn nợ ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M 311.000.000đ tiền gốc. Do anh Lưu Việt C- chị Đỗ Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong các giấy biên nhận vay tiền, nên ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu anh Lưu Việt C- chị Đỗ Thị H trả nợ gốc: 311.000.000đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về trách nhiệm trả nợ, chị Đỗ Thị H trình bày: Các khoản nợ trên do chị trực tiếp là người vay và trả gốc, lãi cho ông bà T- M, anh C có ký vào bên vay Giấy vay tiền ngày 16/12/2020 nhưng chỉ với tư cách là người thừa kế, nên chị sẽ có trách nhiệm trả ông bà T- M toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 311.000.000đ. Anh Lưu Việt C cũng cho rằng việc vay tiền giữa vợ anh (chị H) với ông bà T- M anh hoàn toàn không biết, không liên quan. Anh thừa nhận việc anh ký vào tờ giấy chị H vay tiền của ông bà T- M nhưng chỉ mang tính chất là người thừa kế, nên anh đề nghị tòa án xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy vay tiền ngày 16/12/2020 số tiền vay 200.000.000đ ghi rõ :"*Người vay: bên chồng, bên vợ*" và anh C thừa nhận đã ký vào "*bên chồng*", điều đó thể hiện vợ chồng anh chị Lưu Việt C- Đỗ Thị H đã vay ông bà Nguyễn Quang T- Trương Thị M số tiền 200.000.000đ, do đó anh C phải có nghĩa vụ cùng chị H trả số nợ này. Đối với các khoản nợ còn lại: 125.000.000đ được vay thành 05 lần, theo Giấy vay tiền nguyên

đơn cung cấp thể hiện những lần vay tiền chỉ có chị H ký nhận nợ, chị H đã trả 14.000.000đ còn nợ 111.000.000đ, do đó chị H có nghĩa vụ trả số nợ này.

-Về tiền lãi: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi còn thiếu là 12 tháng, tính từ tháng 3/2022, lãi xuất 1,1%/tháng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Đại diện nguyên đơn không yêu cầu đối với số tiền lãi mà vợ chồng anh chị H- C chưa trả. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1**. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M.

- Buộc anh Lưu Việt C, chị Đỗ Thị H phải trả cho ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

- Buộc chị Đỗ Thị H phải trả cho ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M số tiền 111.000.000đ (*Một trăm mười một triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lưu Việt C, chị Đỗ Thị H chưa thi hành án xong khoản tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lưu Việt C, chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 111.000.000đ x 5% = 5.550.000đ (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*)

**3.** Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Quang T, bà Trương Thị M, chị Đỗ Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lưu Việt C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

**Đặng Quốc Hưng**

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Yên Bái;
-VKSND thị xã Nghĩa Lộ;
-CCTHADS thị xã Nghĩa Lộ;
-Các đương sự,
-Lưu: Hồ sơ.